

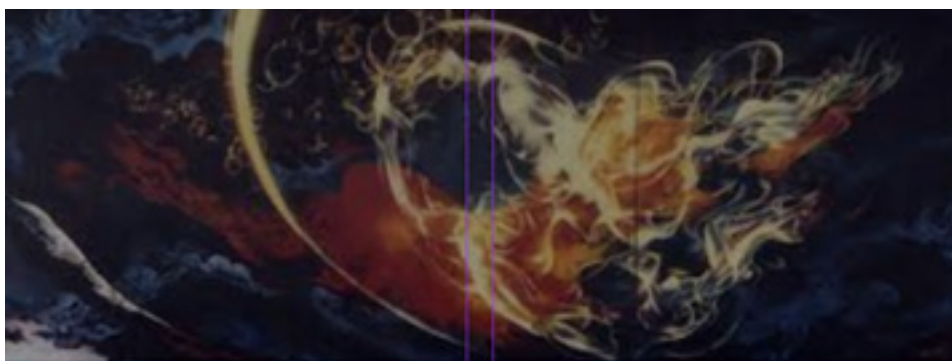


Câu lạc bộ thơ
TÂN HÌNH THỨC

VẬN ĐỘNG SÁNG TÁC VÀ THẢO LUẬN

Báo Thơ • Tháng 09 năm 2022 • Năm thứ 1 • Số 5
Email: cadaomoi@gmail.com

SỐ ĐẶC BIỆT: TÌNH CỜ



Tranh họa sĩ Phạm Tăng



Tranh Brielle Do

Lời Tòà Soạn

Cuộc đời là sự tình cờ, nhưng tình cờ thường xảy ra đối với những người đầy cảm xúc, cảm xúc đưa tới khổ đau. Đa số nghệ sĩ đều dễ rơi vào trạng huống này. Còn đối với những người sống bằng lý trí để đưa họ tới hạnh phúc, nhờ tiền tài, danh vọng. Khi tới Mỹ, tình cờ tôi bị đẩy vào làm *Tạp chí Thơ*, không hề có mục đích gì. Lý do, có một số người tôi không quen, gửi tiền phụ giúp, làm tôi lúng túng, phải thêm vào làm báo. Tờ báo không chính thức phát hành, mà chỉ gửi tặng. Mười năm sau, tôi chấm dứt không làm nữa. Cũng nhờ vậy, tôi lại làm *Báo Giấy*, rồi báo song ngữ *Poetry Journal In Print*, (bây giờ là báo *Thơ*), gửi qua email, chỉ tốn công, không tốn tiền, nhờ vậy mới phát triển phong trào thơ Tân hình thức Việt, và liên hệ được với những nhà thơ nổi tiếng Mỹ, cả văn điệu lẫn tự do.

“Tôi là một nhà phân tâm học và cũng là một nhà thơ, và tôi hiện đang chữa trị cho một nhà thơ trẻ, anh ta cố gắng biểu đạt cho tôi biết điều mà anh ta không thể biểu đạt bằng lời lẽ. Anh ta muốn biết liệu tôi có hiểu được loại trải nghiệm không lời lẽ của anh ta là như thế nào. Tôi đọc bài thơ “Những Chiếc Ghế” của Khế Iêm cho anh ta nghe, và anh ta nói ngay, “Đó chính là điều mà tôi cảm nhận.” Sau đó chính anh ta bắt đầu mô phỏng bài thơ theo nhiều cách khác nhau”.

Frederick Feirstein

“Trích *Thơ Khác* (Other Poetry, a Bilingual Edition,
Ấn bản song ngữ, nxb Tân Hình Thức Publishing Club, 2011

Trở lại với thơ Tân hình thức, một số sinh hoạt đáng ghi nhận về dòng thơ này: tập tiểu luận nhiều tác giả, “Thơ Tân Hình Thức, Tiếp nhận và Sáng Tạo” 450 trang, *Tạp Chí Sông Hương*, nxb Thuận Hóa, do nhà thơ Hồ Đăng Thanh Ngọc chủ trương. Tọa đàm về thơ Tân hình thức diễn ra sớm nhất vào ngày 29/10/2014 tại Đại học Văn hóa Hà Nội, khoa Viết Văn, phối hợp với *Tạp chí Sông Hương* cũng do nhà thơ Hồ Đăng Thanh Ngọc chủ biên.

Cho đến nay, Thơ Tân hình thức vẫn chưa phát triển được, nếu tại Việt Nam không có người đại diện. Một sự tình cờ, nhà thơ Hồ Đăng Thanh Ngọc vừa nhận lời đại diện thơ Tân hình thức Việt để phát triển dòng thơ này, điều mà trước đây anh đã từng đóng góp. Nhà thơ Hồ Đăng Thanh Ngọc hiện đang giữ chức Chủ tịch Liên Hiệp các Hội Văn Học Nghệ Thuật Thừa Thiên Huế. Xin mời bạn đọc liên lạc với nhà thơ Hồ Đăng Thanh Ngọc:

qua email: thanhngocsh@gmail.com.

Nhà thơ Hồ Đăng Thanh Ngọc có một số tác phẩm: “Chiếc Ô Đi Lẻ” (The Going Alone Umbrella), thơ song ngữ, do Vũ Thị Liên Tâm dịch, Nxb Hội Nhà Văn, 2013. “Đôi Triêng Gióng Mạ” tùy bút, Nxb Văn Học, 2011. “Hoa Đăng”, trường ca, thơ song ngữ Đinh Thu dịch, Nxb Thuận Hóa, Huế, 2014. Đặc biệt là cuốn “Có Những Ngày”, tập thơ Tân hình thức, Nxb Thuận Hóa. Vào ngày 18 tháng 12/2019, tôi đến tham gia buổi tọa đàm tại Huế, với sự tham dự của các giáo sư đại học thuộc Hội Văn Học Nghệ Thuật Thừa Thiên Huế, sau buổi tọa đàm tại Đại học Văn hóa T/P HCM.

*

Tình cờ, tôi có quen một bạn, vốn là nhạc sĩ chuyên nghiệp, tốt nghiệp Quốc gia Âm nhạc, sau đó cũng là người dạy nhạc tại trường cũ. Khoảng thập niên 1980s, anh không còn việc làm, chỉ ở nhà đánh đàn làm vui. Năm 1983, tôi có cô em gái út, tuổi mới đôi mươi, chết trong một tai nạn xe. Buồn quá, tôi mới viết lời cho anh phổ nhạc, *Em Đã Bay Đi*. Sau đó viết thêm 3 bản nữa, ”Liều Ca, Tình Lạ, Độc Âm” rồi tôi đến Mỹ vào năm 1988. Đến năm 2022 (34 năm sau), mới gặp lại anh. Anh phổ thêm 3 bản thơ Tân hình thức, *Con Mèo Đen, Chuyện Đồi Ké, Hôi Ưc Mưa*. Tất cả 7 bản nhạc. Viết lời cho nhạc, cũng ở thời gian cuối của thời làm thơ thanh xuân. Tôi là người làm thơ, ít quan tâm tới nhạc, nên 4 bản nhạc đầu tiên mới đúng là cuộc tình cờ. Còn thêm nhạc sĩ Hà Nguyên Du sau này phổ một số bài thơ Tân hình thức như *Mẹ Khổ, Ly Cà Phê Buổi Sáng, Gửi Người Đồng Hành ...* Đó cũng là niềm vui trong đời.

Tình cờ cuối cùng, một nhà thơ nhắc tôi nhớ về dòng thơ Đường Luật Việt Nam. Xuất xứ ra sao về thơ Đường luật Trung Hoa, bạn đọc có thể tìm hiểu trên Google. Còn thơ Việt, ngoài tác giả là giới cầm quyền như vua Lê Thánh Tông, vua Tự Đức thì còn rất nhiều tác giả như Hàn Thuyên, Nguyễn Trãi, Nguyễn Khuyến, Trần Tế Xương, Bà Huyện Thanh Quan, Chu Mạnh Trinh, Quách Tấn ...

*

Trong số báo này, tranh bìa thuộc họa sỹ Phạm Tăng (1924-2017). Ông đã từng theo học ngành kiến trúc trước khi chuyển sang hội họa tại Trường Cao đẳng Mỹ thuật Đông Dương. Vẽ biếm họa cho nhật báo *Tự do* từ những năm 1954-1959, tuần báo *Văn nghệ Tự do* năm 1956. Năm 1959, ở tuổi 34, họa sỹ Phạm Tăng đi du học tại Ý, học thêm về hội họa, bắt đầu thời kỳ 15 năm mà anh gọi là ‘15 năm lưu lạc của cô Kiều’. Ở trường gốc Ý, ông nắm bắt được kỹ năng của nghệ thuật trừu tượng và phương pháp tôi luyện chất liệu. Năm 1967, bức tranh *Vũ trụ* được giải thưởng Unesco. Tháng 3/1972, Phạm Tăng được Viện Hàn Lâm Nghệ Thuật Ý (Accademia Tiberina) ở Roma vinh danh Viện Sĩ. Từ đây, ông như cánh diều, bay bổng trên nền trời nghệ thuật với tất cả hành trang phải có của một nghệ sỹ thực thụ. Ông đã rời nghệ thuật hữu hình mà ông học từ trước, để tiến vào hội họa trừu tượng, vùng đất vô thể, vùng tự do mà ông có thể tung bay ngòi bút, theo tư tưởng, theo cảm xúc của riêng mình. (*Trích Cục Mỹ Thuật, Nhiếp Ảnh và Triển lãm, thuộc Bộ Văn Hóa.*)

THƠ ĐƯỜNG LUẬT VIỆT NAM

Vua Tự Đức
NGÃU CẢM

Sự đời ngẫm nghĩ, nghĩ mà ghê,
Sống gửi rồi ra lại thác về.
Khôn dại cùng chung ba thước đất,
Giàu sang chưa chín một nồi kê.
Tranh giành trước mắt mây tan tác,
Đày đoạ sau thân núi nặng nề.
Muốn đến hỏi tiên, tiên chẳng bảo,
Gượng làm chút nữa để mà nghe.

*Trích Dương Quảng Hàm, Việt Nam thi văn
hợp tuyển, Bộ Quốc gia Giáo dục xuất bản,
Hà Nội, 1951*

* Tự Đức là con thứ hai của Thiệu Trị, sinh năm 1829, mẹ là bà Từ Dụ. Lên ngôi từ năm 19 tuổi (năm 1848), trong suốt 36 năm ngự trên ngai vàng, Tự Đức đã liên tiếp phải đối mặt với những mưu phản trong nội bộ hoàng gia tới những cuộc khởi nghĩa nông dân và các cuộc đọ sức với những thế lực bên ngoài mà kết thúc là hai thỏa ước ê chề với thực dân Pháp (ký năm 1883 và năm 1885), khiến cho đất nước phải chia làm ba kỳ và chịu sự bảo hộ của ngoại bang. Thế nhưng, cũng dưới thời Tự Đức, thơ văn đã rất phát đạt, mặc dầu ông vua ham chuộng nghệ thuật này thực ra phần nhiều bị khổ vì các thi sĩ và nghệ sĩ hơn là được vui sướng.

Nguyễn Trãi
GHEO CÔ HÀNG CHIẾU

À ở đâu ta bán chiếu gon,
Chẳng hay chiếu ấy hết hay còn?
Xuân thu phỏng độ chừng bao tuổi,
Đã có chồng chưa, được mấy con?

Thơ đối đáp họa nguyên vận của Nguyễn Thị Lộ:

Tôi ở Tây Hồ bán chiếu gon,
Can chi ông hỏi hết hay còn?
Xuân thu phỏng độ trăng tròn lẻ,
Chồng còn chưa có, có chi con!

*Nguồn: “Giai thoại văn học Việt Nam”,
Hoàng Ngọc Phách và Kiều Thu Hoạch, NXB
Văn học, Hà Nội, 1988*

* Nguyễn Trãi (1380-1442) hiệuỨc Trai, Nguyễn Trãi hiệu làỨc Trai, người làng Nhị Khê (nay là xã Nhị Khê, huyện Thường Tín, thủ đô Hà Nội), là con của Nguyễn Phi Khanh, tiến sĩ cuối đời Trần, cháu ngoại tư đồ Chương Túc Quốc thượng hầu Trần Nguyên Đán. Sách giáo khoa Ngữ văn 10 (Việt Nam) cho rằng gốc gác ông là ở làng Chi Nhạn, huyện Phượng Sơn, lộ Lạng Giang (nay thuộc huyện Chí Linh, tỉnh Hải Dương).

Theo nhà nghiên cứu sử hiện đại Trần Huy Liệu, Nguyễn Phi Khanh và Trần Thị Thái có với nhau 5 người con theo thứ tự là Nguyễn Trãi, Nguyễn Phi Báo, Nguyễn Phi Ly, Nguyễn Phi Bằng và Nguyễn Phi Hùng. Mẹ mất sớm khi Nguyễn Trãi mới 6 tuổi, bố ông ở rể ở nhà ngoại, anh em Nguyễn Trãi ở nhà ông ngoại Trần Nguyên Đán, đến năm 1390 thì Trần Nguyên Đán mất. Nguyễn Phi Khanh phải một mình nuôi các con.

Nguyễn Khuyến
BẠN ĐẾN CHƠI NHÀ

Đã bấy lâu nay bác tới nhà.
Trẻ thời đi vắng, chợ thời xa.
Ao sâu nước cả, khôn chài cá,
Vườn rộng rào thưa, khó đuổi gà.
Cải chửa ra cây, cà mới nụ,
Bầu vừa rụng rốn, mướp đương hoa.
Đầu trò tiếp khách, trầu không có,
Bác đến chơi đây ta với ta.

* Tam Nguyên Yên Đổ Nguyễn Khuyến, tên khai sinh là Nguyễn Thắng, hiệu là Quế Sơn, tự Miếu Chi, sinh ngày 15 tháng 2 năm 1835, tại quê ngoại làng Văn Khê, xã Hoàng Xá, huyện Ý Yên, tỉnh Nam Định. Quê nội của ông ở làng Vị Hạ (tục gọi là làng Và), xã Yên Đổ nay là xã Trung Lương, huyện Bình Lục, tỉnh Hà Nam[1]. Mất ngày 5 tháng 2 năm 1909 tại Yên Đổ. Bạn thân tri kỉ của ông là Dương Khuê (1839-1902).

Bà Huyện Thanh Quan
QUA ĐÈO NGANG

Bước tới đèo Ngang bóng xế tà,
Cỏ cây chen lá đá chen hoa.
Lom khom dưới núi tiều vài chú,
Lác đác bên sông rợ mấy nhà.
Nhớ nước đau lòng con quốc quốc,
Thương nhà mỏi miệng cái da da.
Dừng chân đứng lại trời non nước,
Một mảnh tình riêng ta với ta.*

* Bà Huyện Thanh Quan (1805–1848), tên thật là Nguyễn Thị Hình, một nữ thi sĩ trong thời cận đại của lịch sử văn học Việt Nam

Trần Tế Xương
THƯƠNG VỢ

Quanh năm buôn bán ở mom sông,
Nuôi đủ năm con với một chồng.
Lặn lội thân cò khi quãng vắng,
Eo sèo mặt nước buổi đò đông.
Một duyên hai nợ âu đành phận
Năm nắng mười mưa dám quản công.
Cha mẹ thói đời ăn ở bạc,
Có chồng hờ hững cũng như không.

* Trần Tế Xương sinh ra vào ngày 5 tháng 9 năm 1870 (tức 10 tháng 8 Âm lịch) tại số nhà 247 phố Hàng Nâu thành phố Nam Định với tên húy là Trần Duy Uyên. Ông thuộc dòng dõi nho gia, vốn là họ Phạm, đổi thành họ Trần là bởi vào đời nhà Trần lập công lớn được phong quốc tính (vua cho đổi theo họ nhà vua).

Hồ Xuân Hương
CẢNH THU

Thánh thót tàu tiêu mấy hạt mưa,
Khen ai khéo vẽ cảnh tiêu sơ,
Xanh um cỏ thụ tròn xoe tán,
Trắng xóa tràng giang phẳng lặng tờ.

Bầu dục giang sơn say chấp rượu.
Túi lưng phong nguyệt nặng vì thơ.
Ồ hay, cánh cương ưa người nhĩ,
Ai thấy, ai mà chẳng ngẩn ngơ.

* Bà Chúa Thơ Nôm Hồ Xuân Hương (1772–1822) hiện nay vẫn chưa rõ lai lịch) là một thi sĩ sống ở giai đoạn cuối thế kỷ XVIII và đầu thế kỷ XIX, mà hiện tại vẫn khiến nhiều học giả tranh cãi. Năm 2021, bà cùng Nguyễn Đình Chiểu là hai nhà thơ của Việt Nam được UNESCO vinh danh là “danh nhân văn hóa thế giới”, cùng với kỷ niệm năm sinh/ năm mất. Di tác của bà hoàn toàn là thơ và đa số đều được viết bằng chữ Nôm.

Tản Đà

MUỐN LÀM THĂNG CUỘI

Đêm thu buồn lắm! Chị Hằng ơi!
Trần thế em nay chán nữa rồi.
Cung quế đã ai ngồi đó chưa?
Cành đa xin chị nhắc lên chơi.
Có bầu, có bạn, can chi tủi,
Cùng gió, cùng mây, thế mới vui.
Rồi cứ mỗi năm rằm tháng tám.
Tựa nhau trông xuống thế gian, cười.

** Tản Đà (1889 – 1939) tên thật Nguyễn Khắc Hiếu, là một nhà thơ, nhà văn và nhà viết kịch nổi tiếng của Việt Nam. Bút danh Tản Đà của ông là tên ghép giữa núi Tản Viên và sông Đà, quê hương ông. Trong văn học Việt Nam đầu thế kỷ 20, Tản Đà nổi lên như một ngôi sao sáng, vừa độc đáo, vừa dồi dào năng lực sáng tác. Ông là một cây bút phóng khoáng, xông xáo trên nhiều lĩnh vực. Đi khắp miền đất nước, ông đã để lại nhiều tác phẩm với nhiều thể loại.*

Chu Mạnh Trinh

TỔNG VỊNH TRUYỆN KIỀU

Cuốn ngỏ rèm xuân trái mấy sương,
Sắc tài chi lắm để làm gương.
Công cha bao quản liều thân thiếp,
Sự nước xui nên phụ nghĩa chàng.
Cung oán nỉ non đàn “Bạc mệnh”,
Duyên nay run rủ lưới Tiền Đường.
Hai bên vẹn cả tình cùng hiếu,
Đem bắc đồng cân đáng mấy vàng.

** Chu Mạnh Trinh (1862–1905), tự Cán Thần, hiệu Trúc Vân, là một danh sĩ vào thời nhà Nguyễn. Ông sinh năm 1862, người làng Phú Thị, xã Mỹ Sở, huyện Văn Giang, tỉnh Hưng Yên. Thân phụ ông là Chu Duy Tĩnh, từng làm quan đến chức Ngự sử. Từ nhỏ, ông đã nổi tiếng thông minh, có tài văn phú. Khi 19 tuổi,*

ông đỗ Tú tài, sau đó ông sang thụ giáo Phó bảng Phạm Hy Lượng và được thầy gả con gái cho. Đến 25 tuổi, ông đỗ Giải nguyên trường Hương khoa thi Bính Tuất (1885). Khoa thi Hội năm Nhâm Thìn (1892), ông đậu Tiến sĩ.

Quách Tấn

ĐÊM THU NGHE QUẠ KÊU

Từ Ô y hạng rử rê sang
Bóng lẩn đêm thâm tiếng rộn ràng
Trời bên Phong kiều sương thấp thoáng
Thu sông Xích Bích nguyệt mơ màng
Bồn chồn thương kẻ nương song bạc
Lạnh lẽo sầu ai rụng giếng vàng
Tiếng dội lung mây đồng vọng mãi
Tình hoang mang gọi tứ hoang mang.

** Quách Tấn (1910 – 1992), tự là Đăng Đạo, hiệu Trường Xuyên, các tiểu hiệu là Định Phong, Cổ Bàn Nhân, Thi Nại Thị, Lão giữ vườn; là một nhà thơ Việt Nam. Ông cùng với Hàn Mặc Tử, Yên Lan, Chế Lan Viên được người đương thời ở Bình Định gọi là Bàn thành tứ hữu, nghĩa là Bốn người bạn ở thành Đồ Bàn.*

Nguyễn Sao Mai

CÔ HÀNG SÁCH

(hiệu sách Nhận Đà, Tuy Hoà 1967)

Kim cổ văn chương hiện một toà,
Trong rừng chữ nghĩa bước chân ra.
Tay trần dậy sắc mây đôi Nhận,
Tóc xoả thơm hương lễ hội Mùa.¹
Áo lụa ngây ngây người xứ Nẫu,²
Quần tơ gòn gòn nước sông Đà.
Lòng xuân mở ngửa như trang sách,
Sắc nước hương trời đẹp dấy na? ³

1967

Nguyễn Sao Mai
KHE SANH HOÀI CỎ

Gió mưa thê thiết cỗi đi về,
Mây nổi trắng chìm dưới đáy khe.
Nọ đất thần linh sấm cụ Thượng,¹
Đây hồn manh lệ dốc bà Đề.²
Chân trần móng đá trai nương bấp,
Má tuyết tay sương gái rẫy chè.
Người cũ trăm năm hồn đã mỏi,
Giòng Sanh núi Phụng chữ trên bia.³

1962

* Ghi chú:

⁽¹⁾ Thượng Văn, tên tự của tri huyện Tuy Phong Nguyễn Hữu Châu. Ông Nguyễn Hữu Châu, 1880–1937, tự Thượng Văn, hiệu Phụng Cương, nguyên là tri huyện Tuy Phong tỉnh Bình Thuận. Vì bất bình quan lại phong kiến nhà Nguyễn, và luôn xung đột với viên chức thống trị người Pháp, ông bị giáng chức Đề lại, lưu đày đến vùng rừng thiêng nước độc Khe Sanh trên quốc lộ 9 Đông Hà - Lao Bão. Năm 1907, ông chiêu mộ một số dân phu lục lộ và những người đói khổ không nhà đang sinh sống cùng các bộ tộc Vân Kiều, Pa Kô tại khu Suối Cạn cầu Khe Sanh dựng lập làng Thượng Văn, dùng tự Thượng Văn đặt tên làng, và hiệu Phụng Cương cho một ngọn núi trong khu vực. Làng Thượng Văn nay thuộc trung tâm thị trấn Khe Sanh, huyện Hướng Hoá, tỉnh Quảng Trị.

⁽²⁾ Phu nhân của ông Nguyễn Hữu Châu, bà Chế Thị Xuân Võ, cũng sát cánh chồng trong việc dựng làng. Dân làng nhớ ơn bà, đặt tên một con dốc làng là dốc Bà Đề.

⁽³⁾ Khe suối tên Sanh. Khe Sanh được lập danh do tên khe suối này.

Nguyễn Sao Mai
THÁP CỎ

(hoài niệm Thượng Văn Tiên Hiền Khai Khản Nguyễn Hữu Châu phu nhân Chế Thị Xuân Võ, và Vương quốc Chiêm Thành)

Tháp cỏ chơ vơ đỉnh gió mù
Sông mòn núi lở đất vua xưa.
Cửa thành Phật Thệ treo cung Hán,
Vạt áo Huyền Trân đổi đất Hồ,
Tiếng khóc Mỹ Ê hồn vận nước,¹
Năm tro Sạ Đẩu nhớ cơ đồ.²
Còn đây một chút tình vôi mật³
Thiền thiệp sông dài cỗi gió mưa.

1962

* Ghi chú:

⁽¹⁾ ⁽²⁾ Sạ Đẩu là vua nước Chiêm Thành. Mỹ Ê, vợ vua Sạ Đẩu. Năm 1044 vua Việt Nam Lý Thái Tông đánh Chiêm Thành, Sạ Đẩu tử trận. Quân Việt chiếm kinh đô Phật Thệ, bắt Mỹ Ê cùng một số vương phi cung nữ mang về. Mỹ Ê tự tử ở sông Châu Giang.

⁽³⁾ Đền-tháp Champa của người Chiêm Thành thờ thần Ấn giáo và thần bản xứ dọc đồng bằng Trung Việt là những công trình nghệ thuật toàn bích về cấu trúc, huyền bí về kỹ thuật. Tương truyền người Chiêm Thành dùng mật ong trộn vôi làm chất keo dính để gắn kết những viên gạch. Tháp xây với gạch sống, và toàn bộ tháp được nung chín đỏ bằng lửa củi và rơm khi công trình hoàn tất. Những nhà nghiên cứu hiện đại cũng đưa ra những suy đoán, giả thuyết về kỹ thuật xây tháp của người Chiêm Thành, về cách chế biến gạch, về cách gắn kết gạch bằng dầu cây *Dipterocarpus Alatus*.

THƠ VẦN ĐIỀU

Nguyễn Bình

HÀNH PHƯƠNG NAM

Đôi ta lưu lạc phương Nam này
Trải mấy mùa qua én, nhận bay
Xuân đến khắp trời hoa rượu nở
Mà ta với người buồn vậy thay

Lòng đắng sá gì muôn hớp rượu
Mà không uống cạn mà không say
Lời thề buổi ấy cầu Tư- Mã
Mà áo khinh cầu không ai may

Người giam chí lớn vòng com áo
Ta trói thân vào nợ nước mây
Ai biết thương nhau từ thuở trước
Bây giờ gặp nhau trong phút giây

Nợ tình chưa trả tròn một món
Sông đời thua đến trắng hai tay
Quê nhà xa lắc xa lơ đó
Nghoảnh lại tha hồ mây trắng bay

Tâm giao máy kẻ thì phương Bắc
Ly tán vì cơn gió bụi này
Người ơi buồn lắm mà không khóc
Mà vẫn cười qua chén rượu đầy

Vẫn dám tiêu hoang cho đến hết
Ngày mai ra sao rồi hây hay
Ngày mai sáng lạn màu non nước
Cốt nhất làm sao tự buổi nay

Rẫy ruộng châu ngọc thù son phấn
Mát đỏ lên rồi cứ chết ngay
Hỡi ơi Nhiếp Chính mà bầm mặt
Giữa chợ ai người khóc nhận thầy

Kinh Kha giữa chợ sàu nghiêng chén
Ai kẻ dâng vàng kẻ biểu tay
Mơ gì ấp Tiệt thiêu văn tự
Giày cỏ gươm cùn ta đi đây

Ta đi nhưng biết về đâu chứ
Đã dấy phong yên lộng bốn trời
Thà cứ ở đây ngồi giữa chợ
Uống say mà gọi thể nhân ơi

Thể nhân mắt trắng như ngàn nhũ
Ta với nhà người cả tiếng cười
Người ơi hề người ơi!
Người sang bên ấy sao mà lạnh
Nhịp trúc ta về lạnh mấy mươi...

**Thuở nhỏ tên là Nguyễn Trọng Bình, sinh năm 1918 mất năm 1966. Quê Vụ Bản Nam Định.*

Mai Thảo

CÔNG VIỆC

Việc đã làm xong việc rất nhỏ
Cũng là công việc đã làm xong
Nửa đời đã việc đời như thế
Cũng kể như lòng rất sắt son

Việc đã làm xong việc chẳng lớn
Cũng là một việc nữa làm xong
Lạ thay, chính lúc mồ hôi đổ
Là lúc bình tâm với sống còn

Việc đã làm xong chờ việc tới
Để làm cho hết đến cho xong
Năm ba phút nghỉ ngồi thông thả
Là lúc lòng riêng nhớ nước non

(Trích “Ta Thấy Hình Ta Những Miếu Đền”)

Nguyễn Đức Sơn
ĐÊM THU

một đêm trăng mờ ảo
anh tìm về thăm em
phố buồn như hoang đảo
gió ngừng ru bên thềm

ánh đèn sao le lói
căn phòng sao điều hiu
anh lặng người thăm hỏi
kiếp người sao tiêu điều

anh đi vòng sau nhà
một mình như bóng ma
giật mình anh nghe thấy
có tiếng gì bay xa

rời đêm trăng mờ ảo
anh lại về thăm em
như lá vàng lão đảo
anh lui về trong đêm

Tô Thùy Yên
CHIA TAY ẢI TÂY

Tặng Thanh Tâm Tuyền

Mới độ nào chia tay ải Tây.
Đi đâu hay chỉ cốt rời đây?
Mây trôi, dăm mảnh nhớ hư hoặc,
Gom chẳng thành câu chuyện thuận tai.

Lời kiệm, quanh ba cái ý quân,
Tiễn đưa vừa một quãng mây bay.
Ra về, thấy nhật nguyệt điên đảo,
Ray rút chưa tròn hẹn ải Tây.

Có thật từng chia tay ải Tây?
Mây qua để bóng cổ thư này.
Tuyệt cùng ký ức nơi tới,
Tin tức ngàn thu biết hỏi ai?

Bao nhiêu đống lửa đêm quan ngoại
Gió thổi tan tro mỗi sáng ngày?
Trong trời, mây ấy cũ hay mới?
ẢI Tây, lần nữa, lại chia tay.

Mãi mãi còn chia tay ải Tây.
Ngày ngày mây lãng đãng qua đây.
Cõi đời giấu một phía mê tương,
Đi nép ranh, muông tượng ải Tây.

(Trích “Thấp Tạ”)

Du Tử Lê
ƠN EM

on em thơ đại từ trời,
theo ta xuống biển, vớt đời ta trôi.
on em dáng mộng mưa vời,
theo ta lên núi, về đời yêu thương.
on em ngực ngải môi trầm,
cho ta cỏ mặn, trăm lần lá ngoan.
on em hơi thoáng chỗ nằm,
dấu quanh dấu quần nổi buồn một nơi.
on em tình như mù loà,
như con sâu nhỏ bò qua giấc vùi.
on em hồn sớm ngậm ngùi,
kiếp sau xin giữ lại đời cho nhau.
tạ on em... tạ ơn em...

(Trích trên Google)

Nguyễn Sao Mai
HOA CÚC

Áo em trắng mặt trời hồng
Mà tâm vô lượng vẫn lòng bướm hoa.
Uyên bay khắp cõi thiên hà
Một hơi thở dứt sao sa giữa trời.
Lên đồi hứng giọt sao rơi
Thả trôi con nước vào đời vô biên.
Mai sau cỏ có xanh miền
Hồn em lá cỏ chung riêng hiện hình.
Ta về ngồi giữa trang kinh
Thấy em hoa cúc trong thiền bước ra.

2010

Nguyễn Sao Mai
NƯỚC MẮT HỒI

Tháp núi âm u giọng nói cười,
Đường trường hực hắc bước chân người.
Tấm lòng vua Chế trong vùng vịnh
Một vũng thiên thu nước mắt Hời.

Nhatrang, 2019

Thành Tôn
TẶNG VỢ BUỔI ĐẦU XUÂN

Tặng em một quãng đường dài
Nửa vòng trái đất chia hai phương trời
Tặng em cái nhớ tuyệt vời
Cái quen mở miệng, kín lời thân thương
Ảnh hình nhật nhạn bên đường
Bấy nhiêu tình ý vẫn vương quê nhà

Tặng em một cuộc chơi xa
Biết thêm điều lạ, mặn mà cái quen
Tạm thời đóng cửa cài then
Hôm qua ta để bóng đèn rời theo
Soi ta từ vực hiểm nghèo
Nhủ ta chiếc bóng còn đeo bên mình

Tặng em một cuộc mưu sinh
Bước chân thứ nhất nâng mình vượt lên

Linh Vũ
TUỔI GIÀ

Xuân đến xuân đi chợt thấy già
Trên đầu mái tóc điểm sương pha
Thế gian chim nổi nào ai biết?
Thua thiệt lợi danh phải tránh xa

Nhục dục yêu đương khổ lụy ta
Phù hoa danh vọng bệnh trầm kha
Đời người ngắn ngủi sao không thấy
Mà bám không buông khổ tuổi già

Thân phận con người bóng cuối sông
Trôi dạt về đến chỗ hư không
Cần gì toan tính còn hay mất
Quên hết sự đời chuyện có không.

Phạm Quốc Bảo
HÌNH ĐẬU BẮP,
NHỚ BẠN HIỀN

Nay sống mãi trời Đông
vẫn không quên đậu bắp
như chẳng thiếu bạn hiền
nên lòng dạ an nhiên.

Đầu tuần tiễn bạn* đi
về miền nao miên viễn
còn lại vài bóng chim
tạm nguôi niềm thương nhớ.

Hỡi bạn của ta ơi
chớ quên tình son sắt
gửi qua hình đậu bắp
cho bằng hữu vui chung...

* *Tiền HÀ TƯỜNG CÁT*
On Thursday, August 13, 2020

Hà Nguyên Du
MƠ HẠT BỤI

mơ cột ngựa vào cây tuế nguyệt
ta làm bằng hữu với sông xanh
tường mây vách gió trăng nào khuyết
về ơi gác mái chèo hư danh

mơ một đời về bên mái nhà
tha hồ mình tắm nước quê thơm
tình như huyết thống cây và lá
ngàn năm thắm thiết mầm xanh đơm

kiếm cung hoa bướm đầy ly rượu
ai rót mời ai khóc cuộc buồn
ta, em tình đã hòa dâu bể
kiếp mỏng manh còn như lá tuôn

mơ hạt bụi nằm trong lắng tịnh
thôi đời đừng khuấy nước sân si
này em có nhớ chân tình cũ?
về thôi hãy cố mà quên đi!

Khế Iêm
NHÁNH SÀU

Với ngày, tiếng nói là miếng nhọn
Đập vỡ những chiều xanh tóc gai
Với thời, bao nỗi mắt ẩm ướt
Ôi chẳng, chảy trôi nước tắt bật

Bồi hồi những trái tim đời xa
Đập vùi chút dĩ vãng chập chững
Bình nguyên thân nhiên trong lòng ta
Lần theo ngàn sương, bấy uông ngạnh

Thờ đi, bao la thay hừng đông
Thổi ra những thương tích bậm vập
Gỡ ran những chảo đời có thật
Nghe âm vang sóng rời đầu nguồn

Đã chờ tro về chôn bến nhớ
Đã ngờ trong một thoáng từ ly
Là mở ngõ ý tình, bở ngỡ
Ta uống nhầm rượu hay, cơn sầu bi.

Lê Giang Trần
RA PHỐ

Sáng nay ra phố thăm đời
Phố chào tôi hỏi lâu rồi ở đâu?
Bâng khuâng nhìn rặng trúc đào
Dường như mình ở nơi nào rất xa ...

Sáng nay xuống phố la cà
Cà kê dê ngỗng mới là cà phê
Buôn chuyện như buôn dưa lê
Lá thu phong đỏ ủ ê con đường ...

Tháng Tạ-Ôn lạnh uơn uơn
Trong cà phê có quê hương ngùi ngùi
Đăm ba bằng hữu bên đời
Nghe ra cũng ấm lòng người sang Đông ...

Đỗ Minh Tuấn
BA CÁNH CHIM TRỜI

Đề trái tim anh
Biết tin hạnh phúc
Em đã trao anh
Hai hàng nước mắt
Một lời hẹn ước
Voi ba lời thề

Ba lời thề ấy
Ba cánh chim trời ấy
Bay về ba ngã
Đi tìm niềm vui

Cánh chim thứ nhất
Bay ngược đời em
Trở về quá khứ
Tìm một trái tim

Mắt hút cách chim
Chân trời xa thăm
Bóng dáng em tôi
Chìm trong im lặng

Cánh chim thứ hai
Vượt lên ngày tháng
Bay đến tương lai
Xây dần tổ ấm

Runh rinh bè đến
Trên đầu đôi ta
Lời em đi trước
Mờ từng cánh hoa

Cánh chim thứ ba
Quần quanh, giận dỗi
Ồi! con chim què
Bắt đầu mệt mỏi

Em gửi cho chim
Trái tim sôi nổi
Đề đôi môi em
Dừng dung chờ đợi.

Đức Phổ
GIÓ NGƯỢC ĐỜI

Chiều hôm thứ bảy em ra phố
Xôn xao hàng quán vẫy tay chào
Áo lụa phát phơ mời mọc gió
Vuốt ve từ ngọn đến gốc đào.

Năm trước làng quê em con gái
Chỉnh chu đức hạnh nét na thừa
Thị thành phù phép gì rất lạ
Nuốt hết nhu mì cô gái xưa.

Anh về gặp lại nhìn không ra
Cô gái năm nao đã đổi rồi
Tà áo nếp quần không còn nữa
Chỉ còn phơi phới thịt da thôi.

Bước qua hàng xóm để thăm hỏi
Mới biết thời nay hết chỗ nói
Thời thế tạo người không tử tế
Quần thoa nê nếp để treo chơi.

Quý bậc cha anh rầu thúi ruột
Cũng đành nhắm mắt để đưa chân
Thương con trẻ giáo đa thành oán
Chỉ mong xã hội bớt cơ cầu ...

VŨ ĐIỆU KHÔNG VÀN

(Toàn tập tiểu luận của Khế Iêm. NXB Đà Nẵng, 2019, 598 trang)

NGUYỄN HỮU SƠN
(Viện Văn học)

Có thể “Giải Hình thức” thế nào, “Đọc Hội họa” thế nào với bài thơ *Đề Đường Minh Hoàng dục mã đồ* (Đề tranh Đường Minh Hoàng tắm ngựa) của Chu Đường Anh (thế kỷ XIV) (Từ khóa: Tác giả quan chức, Chữ Hán, Đường luật, Tứ tuyệt, Đề vịnh, Đề họa, Chính thống – Bên lề, Cảnh báo – Phản kháng, Liên ngành Thi – Họa, Liên văn bản Thi – Biểu, Liên văn hóa Việt - Trung...): *Ngọc hoa dạ chiếu tuyết quyền kỳ, / Dục bãi khiên lai cận xích trì. / Nhược sử ái nhân như ái mã, / Thương sinh hà chí hữu thương di?* (Đinh Văn Chấp dịch: Ngựa Ngọc hoa sao khéo lạ lưng, / Tắm rồi đem tiến dưới sân rồng, / Nếu lòng yêu mến người như ngựa, / Lọ phải lo dân nổi khốn cùng?) ... Có thể “Chú giải” thế nào, “Giải Hình thức” thế nào, “Đọc Hội họa” thế nào, “Thử nghiệm Đọc” thế nào, “Tân Hình thức Đọc” thế nào, “Giới thiệu thơ Trình diễn” thế nào, “Nhịp điệu thơ Tân Hình thức Việt” thế nào khi tiếp cận tập thơ *Cung oán thi* của Nguyễn Huy Lượng (1759–1808) với đủ lối phá cách, chơi chữ; những bài *Ngự chế* của Minh Mạng (1791–1841) với một “bảo tàng thơ” nơi lãng tâm; bài thơ thất ngôn bát cú *Vũ trung sơn thủy* (Cảnh trong mưa) của Thiệu Trị (1807–1847) theo phong cách xếp hình kỹ xảo hồi văn với cả trăm cách đọc; bài thơ thất ngôn tứ tuyệt đồng âm chữ Hán *Tiêu hà tá hán khởi ư phong* của Tự Đức (1829–1883) với hai cách đọc khác biệt nhau... Có thể “Giải Hình thức” thế nào với những lối thơ đọc xuôi – ngược – thơ giễu nhại – chơi chữ – nhạc – họa – kiến trúc – điêu khắc – xếp đặt – trình diễn – truyền thống – hiện đại – Tiền phong – Hình thức (Hậu) hiện đại – vị nghệ thuật “Thả lá thơ chơi” thời phong trào Thơ mới với những Khái Hưng, Lê Khánh Đồng, Lê Ta (Thế Lữ), Đoàn Phú Tứ, Hàn Mặc Tử, Nguyễn Vỹ, Bích Khê, Trần Huân Chương và nhóm Xuân Thu Nhã Tập v.v... mô phỏng

2

những tiếng mưa, tiếng chuông, xếp hình chuông, hình tròn, quả bầu, quả trám, chim bay... Đến *Vũ điệu không vãn Toàn tập* của Khế Iêm gồm 35 tiểu luận (và phần dịch thuật) là công quả sau 18 năm tu tập nhập cuộc dòng thơ Tân Hình thức, qua tất cả sự tích hợp của những *Hột huyết* (kịch, 1972), *Thanh xuân* (thơ, 1993), *Thơ khác – Other Poetry* (2011), *Bước ra – Stepping Out* (2012), *Dấu quê – Traces of My Homeland* (2013), và v.v... Tập sách phân phong hai loại bài chính. NHẤT là những bài thiên về trình bày quan niệm, trình giải kiến thức và trình diễn năng lực truyền thông (*Chú giải về thơ Tân hình thức; Những quan điểm thẩm mỹ mới; Giải hình thức; Nhịp đập của thực tại; Thơ Tự do, một tiếng gọi khác; Thơ Tân hình thức đọc; Phong cách tân chiết trung; Những bước đi mới hay câu hỏi về nhịp điệu thơ Tân hình thức Việt*), và v.v... Có nhiều điều Quen và Lạ, được soi sáng bởi tâm niệm mới, cách suy cảm mới và hệ hình lý thuyết mới... HAI là những bài trực diện khám phá, lý giải, chiêm nghiệm những hiện tượng tác giả, tác phẩm, giai đoạn, dòng phái (*Thơ Bùi Giáng, một thử nghiệm đọc;*

*Thuở trời đất nổi cơn gió bụi, Đọc Chinh phụ ngâm; Tân Hình thức nhắc lại - 10 năm; Giới thiệu thơ trình diễn Mỹ; Nhịp điệu thơ Tân hình thức Việt trong tiến trình sáng tác; Đọc (hay trình diễn) một bài thơ Tân hình thức Việt; Vài ghi chú về bài viết của Alan Kirby; Hướng tới tác phẩm của nhóm sáng tác), và v.v ... Nói riêng trong tiểu LUẬN Thuở trời đất nổi cơn gió bụi – *Đọc Chinh Phụ Ngâm* (Khế Iêm, Sđd, tr.219-227), tôi đặc biệt thích thú và bị chinh phục sâu sắc với những suy tưởng và kiến giải: Phản ánh thực tại – Che giấu và làm sai lạc thực tại – Sự vắng mặt của thực tại – Hoàn toàn cắt đứt liên hệ với thực tại, dường như có sự khế hợp với bản nguyên tinh thần “Sắc sắc – Không không” của nhà Phật. Những dẫn dụ về truyện truyền kỳ Lưu Thần – Nguyễn Triệu nhập Thiên Thai hay ngụ ngôn con dê tế thần (scapegoat) đều đồng qui ở chủ nghĩa trung tâm với hai chiều cái trung tâm (central) và cái ngoại vi (marginal), trong đồng với tinh thần hướng tâm (centripetal) và ly tâm (centrifugal). Trải nghiệm đọc và liên tưởng ám thị trong tác phẩm *Chinh phụ ngâm* thực chất cũng có thể xem như “chỉ là trò chơi khác biệt giữa sự vắng mặt và có mặt”. Sự hoang phế của không – thời gian trong Chinh phụ ngâm chính là cái chết (sự vắng mặt) của thực tại. Từ nhận thức này, bình giả đưa người đọc đến sự thức nhận về một hiện hữu: “Tái diễn hay lập lại, ảo hay thật, vắng mặt hay có mặt, tất cả cũng đều nằm trong cái toàn cảnh của hiện thực. Nếu cho đến tận cùng, thơ là vô ngôn đi thì cho đến tận cùng của đời sống là trả lời cho bằng được sự hiện hữu trong cơn lốc của thế kỷ mà chúng ta sắp bị thổi bay đi. Có lẽ đó là câu hỏi chẳng bao giờ có câu trả lời thích đáng” (Khế Iêm, Sđd, tr.226) ... Từ góc nhìn Tân hình thức, nhà phê bình đặt vấn đề như một phản đề: “Một gợi ý: ‘Đã đành là thơ cho đến cùng tận là vô ngôn đi. Nhưng *Chinh Phụ**

3

Ngâm (giữ nguyên cách viết tên tác phẩm – NHS chú), ngoài bản dịch Nôm của Đoàn Thị Điểm, còn bản chữ Hán của Đặng Trần Côn ...’ Như vậy hẳn nhiên bài thơ *Đọc ‘Chinh phụ ngâm’* có một cái gì đó chưa đầy đủ. Và chẳng nó có vẻ khó hiểu, nếu không chỉ là một trò vui mắt (...). Trở lại với tác phẩm *Chinh phụ ngâm*, đâu có gì chắc chắn rằng bản chữ Hán của Đặng Trần Côn hay bản chữ Nôm của Đoàn Thị Điểm chỉ có một bản. Mà có thể có nhiều bản chữ Hán hoặc chữ Nôm được sao chép từ đời này qua đời nọ. Ngay đến bản Quốc ngữ đã có biết bao nhiêu nhà xuất bản với bao nhiêu người chú giải khác nhau. Không ai dám chắc, đâu mới là bản nguyên thủy, và không có sai lạc giữa bản này và bản khác. Vậy thì, cái nguyên bản ấy thực ra chính là cái thực tại vắng mặt, cái thực tại ảo. Và cái bản chúng ta đang đọc, chỉ là những bản sao không nguyên bản. Cái ý không nguyên bản ở đây có nghĩa là, dù tìm được bản chữ Hán hay chữ Nôm, chúng ta cũng không đọc ra, và nếu có đọc ra thì cũng không thể quyết đoán đó là bản chữ Hán hay chữ Nôm nguyên thủy. Và như thế chẳng bao giờ xác định được giá trị hay dở hay ý nghĩa đích thực của nó” (Khế Iêm, Sđd, tr.220-221) ... Thách đố của tư duy mang màu sắc Hậu hiện đại đưa đến sự nhận diện về sinh mệnh tác phẩm hữu thể đối diện với hư vô và hố đen văn bản, từ đó kích hoạt trở lại các sắc thái lý tính: “Bài thơ *Đọc ‘Chinh phụ ngâm’* bao gồm nhiều nguyên bản, như cái thực tại này chứa nhiều thực tại khác. Nó làm một cú nhảy, xô cái vô lý vào vô lý, xóa trắng một phạm đời. Và tác phẩm *Chinh Phụ Ngâm*, chỉ còn trong trí tưởng, những âm vang dạt về từ quá khứ, mà bây giờ ngay cái âm vang đó cũng đã mất. (Ở đây có thể nêu lên câu hỏi, tập *Chinh Phụ Ngâm* có 412 câu, tại sao còn có một đoạn; và cứ coi là những trang chữ chập vào nhau, nên có thể rút gọn lại, thì làm sao biết được có bao nhiêu lỗi chính tả trong tập thơ này? Âm luật, ngôn ngữ, ý tứ, và văn vần đã bị hóa thân rồi chăng?). Bởi, làm gì có cái gọi là thực tại. Như vậy bài thơ đã đi ra ngoài phạm vi của tác phẩm *Chinh phụ ngâm*, lạc vào huyền thoại, và trở về thời đại chúng ta đang sống. Thách đố của thơ, hẳn là tự nó làm vắng mặt nó đi. Và làm sao tránh khỏi sự ngộ nhận, đáng gì một trò mua vui” (Khế Iêm, Sđd, tr.221-222) ... Cách đọc này thiên về gợi mở những phản đề trong tư duy, tạo

lập những nghịch dị trước các công thức tiếp cận truyền thống và kỳ vọng mở ra những cách đọc hiểu nghịch dị kiểu mới. Bởi lẽ, xét đến cùng thì người đọc trước sau vẫn phải đọc và căn cứ trên câu chữ văn bản tác phẩm. Đặc tính giá trị tự thân của thơ, lịch trình diễn tiến thi sử và sự phân hóa theo tinh thần dân chủ hóa các giới đọc, cách đọc đã đưa tới những kinh nghiệm mới trong sự tiếp nhận thi ca quá khứ cũng như nền thơ hiện đại và đương đại. Ráp vào vấn đề thơ Tân hình thức, có thể thấy những tìm tòi mới mẻ, những cách tân tiên phong, những bước dịch chuyển thi ca bên lề vào chính thống và trở thành chính thống đều có thể được xem như có yếu tố Tân hình thức và nằm trong mạch nguồn Tân hình thức. Chẳng hạn, thơ ca chữ Nôm từ nôm na chuyển thành dòng chủ lưu của văn học dân tộc; thơ Hồ Xuân Hương từ bên lề, “cắm ky” và “đối phó với cắm ky” lại được tôn vinh là “nhà thơ cách mạng” (Hoa Bằng, Nguyễn Khánh Toàn), “hoài niệm phồn thực” (Đỗ Lai Thúy) với hệ thống biểu tượng và lối chơi chữ thâm thúy, khác biệt dòng thơ tụng ca

4

chính thống; phong trào Thơ mới từ những thử nghiệm ban đầu “đã làm trò cười cho chúng ta hồi nhỏ” (Hoài Thanh – Hoài Chân) và dần trở thành suối nguồn hội nhập nền thơ hiện đại... Theo một ý nghĩa tích cực, việc nhận thức lại bài thơ Con cóc “không chừng là một bài thơ hay” (Nguyễn Hưng Quốc) cũng cho thấy những mầm triệu của tư duy Tân hình thức trong thơ ca truyền thống và nó chỉ thật sự định hình, phát triển trong điều kiện sinh quyền thi ca hiện đại và đương đại. Điều này cũng đã được Khế Iêm xác định trên căn bản hiện thực lịch sử: “Nhìn lại mọi thời kỳ, từ truyền thống đến tự do và Tân hình thức, thơ như sợi chỉ xuyên suốt, luôn luôn đổi thay, phù hợp với nhịp đập của mỗi thời đại” (Khế Iêm, Sđd, tr.21). Vậy nên thơ Tân hình thức, với tư cách là sản phẩm tinh thần xã hội, chỉ có thể định hình và trở thành tư trào trong thời đại của phân tâm học, chủ nghĩa hiện sinh, văn học hậu hiện đại, v.v... Thêm nữa, đối diện với Vũ điệu không vần, người đọc có thể đồng thuận hoặc tranh luận theo nhiều mức độ khác nhau, song chắc chắn sẽ gọi những suy tưởng mới mẻ, góp phần làm giàu cho đời sống phê bình và kích thích sáng tạo thi ca. Nhìn rộng ra, tôi thu nhận về những SẮC SẮC – KHÔNG KHÔNG trong mạch xác quyết của tác giả: “Tân hình thức Việt là con đường ngược chiều với Tiền chiến và ca dao lục bát, giải phóng khỏi vần và ngũ điệu hát (vần điệu), chất lọc các yếu tố thơ cổ điển, thơ tự do và thơ không vần tiếng Anh, dùng ngũ điệu tự nhiên của những câu nói thông thường, vắt dòng và kỹ thuật lặp lại (không vần), giống Tiền chiến, mượn các thể thơ 7, 8, 5 chữ như một hình thức nối, giữa truyền thống và hiện đại” (Khế Iêm, Sđd, tr.47) ... Xác định đặc điểm hay là định tính giá trị: “Dân Việt là giống nòi tình, thơ nghiêng về cảm xúc và thường là thơ tình” (Khế Iêm, Sđd, tr.213) ... Cho dù có Việt, Đọc thể nào thì thơ Việt vẫn có căn cước và sợi dây liên lạc của văn hóa Dân tộc với Nhân loại, Truyền thống và Hiện đại: “Nhưng thuật ngữ “Tân Hình thức” lại rất đúng với thơ Việt. Thơ Việt cũng trở lại, nhưng chỉ lấy những thể thơ cũ, rót vào những yếu tố mới để chuyển thành những thể thơ mới. Không những thế, thơ Tân Hình Thức Việt còn là sự hòa hợp giữa truyền thống và hiện đại, xóa bỏ mọi ranh giới phân biệt, giữa hai ngôn ngữ Anh và Việt, tạo nên sự giao lưu giữa hai nền văn hóa” (Khế Iêm, Sđd, tr.235- 236) ... Đó là câu chuyện của những qui luật vậy ...

* Địa chỉ: Nguyễn Hữu Sơn – Viện Văn học, 20 Lý Thái Tổ, Hà Nội. Email: lavson59@yahoo.com. Tel: 0913031635.

ĐỌC CON ĐƯỜNG THƠ KHẾ IÊM

Phạm Quyên Chi

“Con đường thơ” – Kết luận sau cùng của con đường đời: Cuộc đời phải được lập đi lập lại cho đậm sâu hơn, nhờ đó ta mới thấy hết “ý nghĩa đời sống”. Có như thế, ta mới cảm nhận được phần che chở do ý thức về vũ trụ sống của chính ta. Đặc biệt nghệ thuật ở một lúc nào đó trong thế kỉ 19 được gọi tên và bắt đầu. Và người nghệ sĩ hiện diện đưa tất cả đến với một thế giới gọi là “tinh tế” mang lại sự hiểu biết và thương ngoạn.

Khế Iêm, ở tập tiểu luận “Vũ điệu không vãn” đã thiết lập một hệ thống kiến thức chính xác khách quan, một bộ lí thuyết duy nhất về thơ. Bất cứ một kiến thức nào, hễ có căn cứ chứng minh, chính xác, bất kháng thì không còn là triết lí nữa mà là chân lí khoa học. Ông đã tìm tòi và chinh phục được ở địa hạt làm mới ngôn ngữ và cảm xúc. Đã khẳng định một Tân Hình Thức – Việt liên hệ đến toàn diện sự hữu, đã bùng sáng lên xuyên suốt, minh bạch cho một hướng đi được phối thai từ Tân hình thức Mỹ. Thì ở “Con đường thơ” tôi muốn gọi lên hai tiếng “Nhà thơ” Khế Iêm, bởi tư tưởng ấy sâu đậm từ truyền thống đến hiện đại. Ai đó đã từng nói “nhà thơ như người thợ thủ công khéo léo, như nhà tiên tri đầy cảm hứng hay như một sự kết hợp nào đó của cả hai”. *Con đường thơ* với “Thanh xuân”, “Dấu què”, “Thơ khác” ở nhiều hình thức thơ trong sự dịch chuyển đời sống cũng như hình thức sáng tạo sinh sôi của con người mà những dòng thơ như khoác lên chiếc áo thời gian.

Thật vậy, Khế Iêm trong suốt hành trình chế tác giống như người thợ thủ công tạo ra muôn vàn kiểu dáng đồ vật thì trong bài thơ của ông dù ở góc độ nào cũng luôn hiện hữu sự cởi mở đặc biệt trước những bình diện sâu xa nhất của tinh thần con người. Cảm hứng thơ được dựng xây mọc mọc trên mặt ngôn ngữ và sự cách tân thể loại theo một “vũ điệu” như thể là quyết định trào vọt lên nguồn suối mới trong hình thức thơ ca. Sinh thời Aristotle từng nói rằng: “Thơ đó là sự mô phỏng động thái con người được biểu hiện trong ngôn ngữ với sự trợ giúp của hoà âm và nhịp điệu”. Ở đây, nhà thơ Khế Iêm mang đến một dẫn dắt: Chúng ta không được lãng quên mà phải sống cho thật sâu xa. Chính vì hiểu rõ dụng ý này qua tập thơ tôi cũng như bạn đọc xin hãy tạm quên đi “Tân hình thức” mà tìm về dĩ vãng, để hàm ơn sự chiếu rọi của truyền thống. Để thấy rõ con đường thơ là những suy niệm trong đơn độc theo tinh thần trầm tư, theo bước chuyển của hình thức thơ. Rồi đến khi bước vào văn chương chúng trở thành câu chuyện kể đời.

Thanh Xuân (1992) những tâm tình của tuổi trẻ thổ lộ:

“Ta tắt tiếng từ bao giờ không biết
Lúc nhìn em lồ lộ ngoài hư không
Lúc ta theo vò vập màu chiều tà
Và chỉ thấy bụi rơi cùng nắng hạ”
(Thanh xuân)

Có thể, khởi điểm là lúc bắt đầu tư tưởng và để hiểu được cội nguồn trong cảm xúc bài thơ phải mang tính chứa đựng ý nghĩa thì ở “Thanh xuân”, đã mất đi tính hoài nghi về một sự thật đang xảy ra chuyển biến trong dòng nội tâm. Mà ta cảm nhận được lời bộc bạch chân thành nhất khởi phát từ tình yêu. Đó là ý nghĩa của giây phút con người biết giữ lấy cái căn bản sự thật của một lời thổ lộ tồn tại với thời gian “bụi rơi cùng nắng hạ”. Dòng tâm sự ấy như muốn bắt rễ vào với thành thực bởi cuộc đời nhà thơ như bản nhạc không bao giờ hoàn tất. Và chúng ta, luôn cần phải đi trên con đường riêng của mình mà không cần đến lí luận khúc mắc. Cũng như nơi nào cũng có ngọn hải đăng soi rọi.

Đến “Dấu quê” (1996) hai tiếng ấy như phân mảnh thân phận đời và Khế Iêm đã phân mảnh thơ theo cấu trúc:

“Trút hơi thờ
 và ngời duỗi ra
vào một nơi là đã tay trắng
 khom

 lung bất động như thế cho đến khi giọt
 chuông chiều kia làm tan đi người và vật
 kiến tạo im ắng mà lâu nay bị
 che lấp bởi cánh liếp của lời kinh

rảo bước ngoài mặt
đất và nhận ra có tiếng kêu

núu lại ở đầu ghènh
(Núu lại)

Nghệ thuật ra đời và chính cái cao cả, đẹp đẽ thần thánh của nghệ thuật đã thôi thúc chúng ta tìm về một điều huyền bí nào đó, và cấu trúc trong thơ là phương tiện truyền đạt tối ưu giữa mối quan hệ bên trong của ngôn ngữ, thông qua sự sắp đặt bằng cảm xúc của nhà thơ. Ở “Dấu quê” càng thâm thúy như lời của Bernard Shaw “Dạy người ta thì không bao giờ người ta học”. Với Khế Iêm, ông không dạy, không ca thán hay chỉ dẫn mà trở thành một kiến trúc sư lập tứ cho bài thơ ở một điều ai cũng biết rõ trong “lắp ghép thi ngôn và thi ảnh”. Trên sự lắp ghép mạch thơ để mô phỏng hiện thực đời sống trong *Núu kéo* vẫn thấy có phân tách đoạn rõ ràng, mang tính khái quát cao trong sự móc nối liên kết như dẫn từ, kéo trường liên tưởng dài theo từng khoảng trống trong câu như đang giải chuỗi mật mã nghệ thuật vậy. Phải chăng, vì lẽ đó mà nhà thơ Guillaume Apollinaire đã nhìn thấy “thi nhân và họa sĩ quy định bộ mặt của

đại lịch sử không bao giờ mất
 thì nạn nhân của lịch sử dĩ
 nhiên cũng không bao giờ mất đi
 không những thế họ còn là

những nhân vật của một thời văn
 học mãi mãi là những vì sao
 lấp lánh lấp lánh ở mọi thời ...”

(*Một thời thơ*)

Nhà thơ Khế Iêm đã từng dẫn luận: “Ở những nhà thơ tiền phong như Ezra Pound, William Carlos, T.S Eliot chủ trương thoát khỏi thể luật truyền thống, đã tìm cách thay thế thể luật bằng một thể luật khác (discovered form), với một vài kỹ thuật được dùng để tạo nghĩa cho hình thức bài thơ như: Dàn trải chữ trên giấy in, dùng những khoảng trống, chiều dài của dòng và dòng gãy (line break), chùm chữ, lặp lại âm thanh, nhịp điệu của nhóm chữ, và hình ảnh... Có thể gọi là nhịp điệu của cú pháp (syntactical rhythm) hay nhịp điệu thị giác. Chiều hướng đã đề xuất hiện trước tất cả một cách hiểu khoa học, giúp người đọc nương theo hình thức mà tìm ra một cách đọc hiểu của cú pháp để nghe được những âm thanh tinh tế của ngôn ngữ. Sự rung động của ngôn ngữ hòa với ý nghĩa bài thơ, tạo nên một ý nghĩa mới”. Những đặc điểm kỹ thuật đã được phân tích và đánh giá thông qua mặt ngữ pháp, câu khách quan, để thống nhất mà không gặp phải những suy xét nào. Các nhà thơ lớn phương Tây họ đã nhìn thấy, thực hành ngay những điều họ thấy, đó là sự cách tân mạnh mẽ nhất mà Khế Iêm đã nắm bắt. Quy luật của ngôn ngữ cũng là làm mới ngôn ngữ trên cơ sở đúng đắn.

Thơ, con đường đi với những đường lối cực kì phức tạp qui hướng về thân phận con người, bất cứ thời kì nào mọi dấu hiệu của thơ luôn bí ẩn, thuộc về thế giới mộng ảo và có khi phải dừng lại trong cuộc theo đuổi. Như cây, với rất nhiều nhánh, những nhánh cây chỉ có thể để cảm. Nhưng cảm trong thơ có giống lối suy tư thắc mắc của đứa trẻ:

- Thừa mẹ ! Mặt trời xoay quanh trái đất hay trái đất xoay quanh mặt trời?
- Mặt trời có thật hay không?

Một đứa trẻ sẽ tin vào lời giải đáp của bố mẹ hay không? Cùng với thời gian trẻ con đã đi vào cuộc đời với rất nhiều những câu hỏi tra vấn. Chúng có thể chìm vào một ý nghĩ, rồi mọi điều ấy có thể vụt mất, hoặc vào một thời điểm đột ngột nhớ lại mà vẫn chưa có ai giải câu trả lời thỏa đáng, điều đứa trẻ đã nghĩ, đã thắc mắc ngày xưa.

Thì ở đây, Khế Iêm với lòng yêu mến ngôn ngữ, đã cố gắng dùng nhiều phương pháp giảng giải, định hướng thơ trong dòng chuyển biến cùng với thời đại. “Vấn đề của thơ Tân Hình Thức ở đây không phải là đi gần hay đi xa. Mà giống như *Hyper Poetry*, *Hyper Text Poetry*, là ngã rẽ, phản ứng và kết hợp, thoát xác và hồi sinh, mục đích tìm ra một nền thơ mới cho thời đại mới”. Một thời đại kỹ nghệ như hôm nay, mọi sáng tạo trong thơ cần phải được bồi chuẩn,

xác lập lại tâm lý của người viết, người đọc, để bút phá đa diện trí tưởng tượng, để phục hồi lại truyền thống và tiến thẳng đến trò chơi ý nghĩa nhất của con chữ. Và thế là một thế hệ Tân Hình Thức Việt không ngừng cởi mở hết mọi khả năng.

Nhìn lại mọi thời kỳ, từ truyền thống đến tự do và Tân Hình Thức, thơ như sợi chỉ xuyên suốt, luôn luôn thay đổi. Chúng ta đã bị tác động bởi những biến cố kinh hoàng để bước vào một kỷ nguyên đầy nhân bản, quay về với con người, đám đông. Áp dụng ngôn ngữ tự nhiên của đời thường, tính truyện, là lấy lại sức mạnh cho thơ và cũng là phản ứng với một nền văn minh, đang chia cắt và đẩy con người tới bờ vực ảo.

Mỗi yếu tố trong thơ đều ngầm chứa một ý nghĩa, bởi ý nghĩa nghệ thuật là ý nghĩa cuộc đời. “Mỗi đời sống cá nhân được kể như một câu chuyện với khởi đầu và kết thúc, và không có ai là tác giả cho chính cuộc đời họ”. Người kể chuyện đã mang những hành động và làm sống lại nhân vật. Nếu không thì mọi thứ đều vô nghĩa. Tính truyện làm chúng ta trở nên có thực đối với người khác và đối với chính mình, cho chúng ta biết làm sao cho thích hợp và sống trong một thế giới, và nếu không có chúng ta, hành tinh ấy chỉ là hành tinh xa lạ. Bài thơ chỉ có chức năng như một dẫn chứng để làm nổi bật lên một vài yếu tố khả dĩ để áp dụng vào thơ Việt. Phương pháp hay những yếu tố thơ đều mang tính duy nhất, chúng ta hãy cùng bước trên một con đường, sự thất bại hay thành công không phải là điều quan trọng, mà là một dấu mốc cho một thế hệ mai sau, đỡ đi những vấp ngã. Cuộc sống mới không chỉ là một câu nói suông.

Trong lịch sử nhân loại thơ dưới hình thức biểu thị và ngôn ngữ khác nhau, mỗi kinh nghiệm đều luôn đích thực. Chúng ta phải nhận thức được sự cần thiết của bộ lí thuyết thơ “Vũ điệu không vần” và “Con đường thơ” trong lịch sử nhân loại này, ta mới đi sâu được tận nguồn của thơ và thấy chúng toàn diện trong mắt ta.

Karl Jaspers đã từng nói phải học tập để tiêu hóa được tất cả những kinh nghiệm của dĩ vãng, biết nghe ngóng người đồng thời và biết cởi mở ra với mọi khả năng. Khởi điểm là lúc con người ta bắt đầu tư tưởng. Con đường tư tưởng hay cần nhiều những văn bản chứa đầy yếu tố ý nghĩa nhất, đồng thời phải tự mình tìm thấy được khởi nguồn của mọi vấn đề. Khế Iêm, trong thơ hay ở các tập tiểu luận đã cố gắng thiết kế một sơ đồ tổng quát, đem vào đó mọi công thức, thậm chí còn làm rõ chức năng não bộ trong sáng tạo, để áp dụng vào thơ. Đó là một việc làm thiết yếu giúp cho người viết lẫn người đọc có những cuộc trao đổi để hiểu một cách đúng đắn về thơ nói chung và Tân hình thức Việt nói riêng. Mỗi người phải tìm gặp được chính nguồn suối cảm xúc thật của mình trong phép tính của thời đại. Thì chúng ta mới còn gặp nhau trong miền thơ và đạt được sự hiện diện chung với nhau. Con người còn là sản phẩm của lịch sử. Với chỉ mỗi kiến thức khoa học ta cũng không tài nào hiểu được hết lịch sử ấy và đạt được thân phận đích thực. Khi nhận thấy bế tắc của thời đại. Ta sáng suốt ủy thác cho mình một sức nhiệm màu nào đó hướng dẫn bằng chính tự do của ta. Nhà thơ, nhà phê bình Khế Iêm, tự do ấy đã quy hướng tới một tinh cầu Tân hình thức – một vũ điệu không vần – một mạch nguồn sâu thẳm hơn cả thời gian trong chính “Con đường thơ” đời mình.